TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2024
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Mên;

Ông Lê Văn Được.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Chung Hữu Toàn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:*** Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2024/TLST- HN, ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc*"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (chị T có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Sơn Thanh Ve R, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (anh R có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1995 chị và anh Sơn Thanh Ve R, qua thời gian quen biết và tìm hiểu khoảng 01 năm rồi tiến tới hôn nhân, có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, đến tháng 11/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh R thường xuyên ghen tuông và đánh đập vợ nên vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 11/2023 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sơn Thanh Ve R.

- Về con chung tên: Sơn Thị Ngọc D, sinh ngày 26/12/1997 và Sơn Thành T1, sinh ngày 04/02/2006, đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không tranh chấp, không khởi kiện.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Sơn Thanh Ve R có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều được tống đạt đầy đủ cho các đương sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Trần Thị T và anh Sơn Thanh Ve R là vợ chồng.

- Về con chung: Sơn Thị Ngọc D, sinh ngày 26/12/1997 và Sơn Thành T1, sinh ngày 04/02/2006, đã trưởng thành, chị T và anh R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và số nợ phải thu phải trả: Chị T và anh R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét .

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định.

- Phần kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Sơn Thanh Ve R là bị đơn trong vụ án nhưng vắng mặt lần thứ nhất và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của

Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh R theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Sơn Thanh Ve R, địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh R sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995 cho đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, thời gian chung sống chị T và anh R có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo quy định, từ đó xác định hôn nhân giữa chị T và anh R là không hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị là do anh R thường xuyên ghen tuông và đánh đập vợ nên vợ chồng chị đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay không liên lạc, hiện tại chị không còn tình cảm với anh R. Nay chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sơn Thanh Ve R.

Tại phiên tòa, anh Sơn Thanh Ve R vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết anh R có lời trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là do chị T có người khác bên ngoài nên vợ chồng anh đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay không liên lạc, vợ chồng không quan tâm nhau. Nay chị Trần Thị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T xác định mâu thuẫn giữa chị và anh R là trầm trọng không hàn gắn được. Chị T cương quyết ly hôn với anh R. Quá trình giải quyết vụ án, anh Sơn Thanh V Rây có lời trình bày anh đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy, tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân chị T và anh R có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003 Nhà nước tuyên truyền phát động việc đăng ký kết hôn quá hạn nhưng anh, chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn quá hạn mà tiếp tục chung sống với nhau như vợ chồng là vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Trần Thị T và anh Sơn Thanh Ve R là vợ chồng.

[4] Về con chung tên: Sơn Thị Ngọc D, sinh ngày 26/12/1997 và Sơn Thành T1, sinh ngày 04/02/2006, đã trưởng thành, chị T và anh R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị T và anh R không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử buộc chị Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của Vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Trần Thị T.

- *Về hôn nhân*: Không công nhận chị Trần Thị T và anh Sơn Thanh Ve R là vợ chồng.

- *Về con chung tên*: Sơn Thị Ngọc D, sinh ngày 26/12/1997 và Sơn Thành T1, sinh ngày 04/02/2006, đã trưởng thành chị T và anh R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Chị T và anh R không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về số nợ phải thu, phải trả của vợ chồng*: Chị T và anh R không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011425, ngày 28 tháng 10 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị T đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị Trần Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Sơn Thanh Ve R vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà